

ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN HÀ ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5716/QĐ-UBND

Hà Đông, ngày 08 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc bổ sung dự toán NSNN năm 2022**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 27/8/2022 của HĐND thành phố quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội năm học 2022-2023;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND thành phố Hà Nội quy định mức hỗ trợ, động viên đối với công chức, viên chức lao động hợp đồng lĩnh vực y tế tại các cơ quan, đơn vị công lập trực thuộc thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4518/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách cấp thành phố Hà Nội

Theo đề nghị tại văn bản số 1027/TCKH ngày 08/12/2022 của Phòng Tài chính - Kế hoạch về việc đề nghị bổ sung dự toán NSNN năm 2022 cho đơn vị thực hiện nhiệm vụ.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao bổ sung dự toán dự toán NSNN năm 2022 cho các đơn vị để thực hiện nhiệm vụ với tổng số tiền **42.272.560.000 đồng (Bốn mươi hai tỷ, hai trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn)** từ nguồn Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu tại Quyết định số 4518/QĐ-UBND ngày 15/11/2022.

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

**Điều 2.** Căn cứ dự toán ngân sách được bổ sung, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện và thanh quyết toán theo đúng chế độ chính sách, đúng luật ngân sách và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các đơn vị: Văn phòng HĐND - UBND quận; phòng Tài chính - Kế hoạch; phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Y tế, Kho bạc Nhà nước Hà Đông; các đơn vị theo biểu đính kèm và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

*Nơi nhận:*

- Như điều 3;
- TT QU; HĐND-UBND quận;
- Lưu VT.

70

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Cán Thị Việt Hà**

**BỔ SUNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số **5716** /QĐ-UBND ngày **08** /12/2022 của UBND quận Hà Đông)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Đơn vị	Kinh phí bổ sung	Nguồn kinh phí	Ghi chú
	<b>TỔNG</b>	<b>42.272.560.000</b>	<b>Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu tại Quyết định số 4518/QĐ-UBND ngày 15/11/2022</b>	
<b>I</b>	<b>Bổ sung kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND thành phố Hà Nội</b>	<b>35.000.000</b>		
	Phòng Y tế quận Hà Đông	35.000.000		
<b>II</b>	<b>Bổ sung kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND thành phố Hà Nội</b>	<b>42.237.560.000</b>		
<b>A</b>	<b>Khối mầm non</b>	<b>18.821.888.000</b>		
1	MN 3-2	443.760.000		
2	Ánh Dương	403.700.000		
3	Biên Giang	411.092.000		
4	Bình Minh	425.468.000		
5	Búp Sen Hồng	291.036.000		
6	Đa Sỹ	315.520.000		
7	Đồng Dương	304.580.000		
8	Đồng Mai	439.320.000		
9	Dương Nội	410.700.000		
10	Hà Cầu	455.468.000		
11	Hà Trì	468.788.000		
12	Hàng Đào	571.704.000		
13	Hòa Bình	314.784.000		
14	Hoa Hồng	383.088.000		
15	Hoa Mai	494.436.000		
16	Họa My	350.320.000		
17	Hoa Sen	414.872.000		
18	Hoàng Hanh	320.480.000		

STT	Đơn vị	Kinh phí bổ sung	Nguồn kinh phí	Ghi chú
19	Hương Sen	366.120.000		
20	Huyền Kỳ	330.972.000		
21	Kiến Hưng	363.144.000		
22	Kim Đồng	291.408.000		
23	La Dương	236.020.000		
24	La Khê	394.200.000		
25	Lê Quý Đôn	375.248.000		
26	Lê Trọng Tấn	687.096.000		
27	Mậu Lương	583.040.000		
28	Mỗ Lao	344.640.000		
29	Ngô Thị Nhậm	588.184.000		
30	Nguyễn Trãi	143.100.000		
31	Phú La	700.788.000		
32	Phú Lãm	462.820.000		
33	Phú Lương	467.300.000		
34	Phú Lương I	449.936.000		
35	Phú Lương II	414.788.000		
36	Quang Trung	484.440.000		
37	Sen Hồng	541.740.000		
38	Sơn Ca	362.648.000		
39	Trần Quốc Toàn	441.404.000		
40	Vạn Bảo	294.608.000		
41	Văn Khê	303.672.000		
42	Vạn Phúc	519.540.000		
43	Yên Hòa	390.856.000		
44	Yên Nghĩa	384.908.000		
45	Yên Nghĩa 1	376.688.000		
46	Yết Kiêu	303.464.000		
<b>B</b>	<b>Khối trung học cơ sở</b>	<b>23.415.672.000</b>		
1	Biên Giang	558.552.000		

STT	Đơn vị	Kinh phí bổ sung	Nguồn kinh phí	Ghi chú
2	Đồng Mai	922.632.000		
3	Dương Nội	1.602.840.000		
4	Kiến Hưng	935.952.000		
5	Lê Hồng Phong	1.213.008.000		
6	Lê Quý Đôn	1.507.824.000		
7	Mậu Lương	1.004.328.000		
8	Mỗ Lao	1.141.080.000		
9	Nguyễn Trãi	1.657.008.000		
10	Phú Cường	732.600.000		
11	Phú La	1.671.216.000		
12	Phú Lãm	683.760.000		
13	Phú Lương	1.243.200.000		
14	Trần Đăng Ninh	1.620.600.000		
15	Văn Khê	1.639.248.000		
16	Vạn Phúc	507.936.000		
17	Văn Quán	1.336.440.000		
18	Văn Yên	1.874.568.000		
19	Yên Nghĩa	1.562.880.000		

